

DANH MỤC KÈM THEO YÊU CẦU BÁO PHÍ THẨM ĐỊNH

(Hiệu chuẩn các thiết bị phòng Xét nghiệm)

STT	Tên Thiết Bị	Nội dung thực hiện	Số lượng	Đơn Giá	Thành Tiền	Ghi chú
1	Máy huyết học tự động Humacount 60TS	Hiệu chuẩn	1	2.625.000	2.625.000	
2	Máy sinh hóa tự động TC Matrix	Hiệu chuẩn	1	2.625.000	2.625.000	
3	Máy đọc Elisa, Hãng: Chromate, Model: 4300	Hiệu chuẩn Bảo trì	1	2.625.000	2.625.000	
4	Máy rửa, Hãng: Bio-Rad, Model: PW40	Bảo trì	1	800.000	800.000	
5	Máy ủ IPS, Hãng: Bio-Rad	Hiệu chuẩn Bảo trì	1	800.000	800.000	
6	Tủ lạnh Ariston	Bảo trì	1	472.500	472.500	
7	Máy ly tâm lạnh Eppendorf	Bảo trì	1	600.000	600.000	
8	Tủ ấm Memmert INB 400	Hiệu chuẩn (44°C) Bảo trì	1	600.000	600.000	
9	Tủ ấm Memmert INB 500	Hiệu chuẩn (37°C) Bảo trì	1	600.000	600.000	
10	Tủ ấm JSR JSGI-153P	Hiệu chuẩn (30°C) Bảo trì	1	600.000	600.000	
11	Tủ ấm JSR JSGI-100T	Hiệu chuẩn (37°C) Bảo trì	1	600.000	600.000	
12	Tủ ấm JSGI-30T	Hiệu chuẩn (41°C) Bảo trì	1	600.000	600.000	
13	Tủ ấm JSGI-30T	Hiệu chuẩn (44°C) Bảo trì	1	600.000	600.000	
14	Cân kỹ thuật PA2102	Hiệu chuẩn Bảo trì	1	300.000	300.000	
15	Cân kỹ thuật PA213	Hiệu chuẩn Bảo trì	1	300.000	300.000	
16	Máy đo pH để bàn ORION	Hiệu chuẩn (pH=4,7,10) Bảo trì	1	500.000	500.000	
17	Nồi hấp tiệt trùng TOMY ES-315	Hiệu chuẩn (115, 121)°C Bảo trì	1	600.000	600.000	
18	Nồi hấp tiệt trùng HYRAYAMA	Hiệu chuẩn	1	600.000	600.000	

	HVE	(121)°C Bảo trì			
19	Tủ sấy Memmert UNE 400	Hiệu chuẩn (180)°C Bảo trì	1	600.000	600.000
20	Tủ an toàn sinh học cấp II ESCO	Hiệu chuẩn Bảo trì	1	3.400.000	3.400.000
21	Tủ an toàn sinh học cấp II TELSTAR	Hiệu chuẩn Bảo trì	1	3.400.000	3.400.000
22	Nhiệt kế điện tử SATO SK-270WP	Hiệu chuẩn (44)°C	1	210.000	210.000
23	Nhiệt Kế Điện Tử SATO SK-270WP	Hiệu chuẩn (37°C)	1	210.000	210.000
24	Nhiệt Kế Điện Tử SATO SK-270WP	Hiệu chuẩn (30°C)	1	210.000	210.000
25	Nhiệt kế điện tử SATO SK-270WP	Hiệu chuẩn (37°C)	1	210.000	210.000
26	Nhiệt kế điện tử SATO SK-270WP	Hiệu chuẩn (41°C)	1	210.000	210.000
27	Quả cân chuẩn E2	Hiệu chuẩn (10g)	1	367.500	367.500
28	Nhiệt kế điện tử đầu dò Control Company	Hiệu chuẩn (180°C)	1	189.000	189.000
29	Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	Hiệu chuẩn (25°C, 75%)	1	300.000	300.000
30	Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	Hiệu chuẩn (25°C, 75%)	1	300.000	300.000
31	Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	Hiệu chuẩn (25°C, 75%)	1	283.500	283.500
32	Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	Hiệu chuẩn (25°C, 75%)	1	283.500	283.500
33	Nồi hấp tiệt trùng TOMY SS-325	Hiệu chuẩn (121°C) Bảo trì	1	600.000	600.000
34	Nồi hấp tiệt trùng ALP CL-32L	Hiệu chuẩn (121°C) Bảo trì	1	600.000	600.000
35	Tủ An Toàn Sinh học cấp II ESCO	Hiệu chuẩn Bảo trì	1	3.400.000	3.400.000
36	Tủ An Toàn Sinh học cấp II ESCO	Hiệu chuẩn Bảo trì	1	3.400.000	3.400.000
37	Tủ An Toàn Sinh học cấp II CRYSTE	Hiệu chuẩn Bảo trì	1	3.400.000	3.400.000
38	Tủ pha Mix PCR ESCO	Hiệu chuẩn Bảo trì	1	3.000.000	3.000.000
39	Máy quang phổ Shimadzu UV-1800	Hiệu chuẩn (Độ lặp lại, độ chính xác của ABS tại 1	1	1.890.000	1.890.000

		510nm; 543nm; 456 nm)			
40	Cân phân tích Ohaus 0,1mg/210g PA214	Hiệu chuẩn	1	400.000	400.000
41	Cân kỹ thuật Ohaus 0,01g/2100g PA2102	Hiệu chuẩn	1	300.000	300.000
42	Máy đo pH METROHM	Hiệu chuẩn (pH 4,7,10)	1	500.000	500.000
43	Máy đo pH HORIBA LAQUA - PH1100	Hiệu chuẩn (pH 4,7,10)	1	500.000	500.000
44	Máy đo độ đục Orbeco TB200	Hiệu chuẩn (2,5,10, 20,100,800 NTU)	1	600.000	600.000
45	Máy đo độ đục cầm tay Hanna HI98703	Hiệu chuẩn (0,2,5,10, 20,100,800 NTU)	1	600.000	600.000
46	Máy đo độ dẫn cầm tay Palintest	Hiệu chuẩn (2 μ S/cm)	1	600.000	600.000
47	Nồi cách thủy JSWB 33T (Korea)	Hiệu chuẩn	1	600.000	600.000
48	Nồi cách thủy JSWB 33T (Korea)	Hiệu chuẩn (97; 70) $^{\circ}$ C	1	600.000	600.000
49	Tủ sấy Memmert UNE400	Hiệu chuẩn (180) $^{\circ}$ C	1	472.500	472.500
50	Tủ sấy Memmert UNE400	Hiệu chuẩn (105) $^{\circ}$ C	1	472.500	472.500
51	Lò nung LENTON ECF 12/10	Hiệu chuẩn(525) $^{\circ}$ C	1	600.000	600.000
52	Máy đo nhiệt độ EBRO TTX100	Hiệu chuẩn (- 20 ; 4 ; 20; 97) $^{\circ}$ C	1	300.000	300.000
53	Máy đo nhiệt độ Precision C08Q61	Hiệu chuẩn 105 $^{\circ}$ C	1	189.000	189.000
54	Nhiệt kế điện tử SATO SK-270WP	Hiệu chuẩn (- 20 ; 4 ; 20; 97; 105) $^{\circ}$ C	1	330.750	330.750
55	Máy đo nhiệt độ - độ ẩm điện tử Hygro-Thermometer DHT-1	Hiệu chuẩn nhiệt độ (25 $^{\circ}$ C; 75%)	1	283.500	283.500
56	Tủ hút khí độc Esco EFH-5A1	Bảo trì	1	2.100.000	2.100.000
57	Tủ hút khí độc Esco ADC-4B1	Bảo trì	1	2.100.000	2.100.000
58	Máy cất nước cất 2 lần HAMILTON AWC/4D	Bảo trì	1	945.000	945.000

59	Máy cắt đạm VELP UDK 132	Bảo trì	1	800.000	800.000
60	Tủ lạnh Lovibond	Bảo trì	1	472.500	472.500
61	Tủ lạnh SHARP 145L	Bảo trì	1	472.500	472.500
62	Tủ lạnh Toshiba GR-T36VUBZ	Bảo trì	1	472.500	472.500
63	Bộ chiết béo EV6AII/14 GERHARDT	Bảo trì	1	800.000	800.000
64	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng(-10oC) - (110oC) (mã số A043-1) (ngăn mát tủ lạnh)	Hiệu chuẩn 3oC	1	189.000	189.000
65	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng(-10oC) - (110oC) (mã số A043-2) (ngăn mát tủ lạnh)	Hiệu chuẩn 3oC	1	189.000	189.000
66	Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân(-19oC) - (62oC) (mã số A044-1) (ngăn đông tủ lạnh)	Hiệu chuẩn (- 15)°C	1	189.000	189.000
67	Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân(-19oC) - (62oC) (mã số A044-2) (ngăn đông tủ lạnh)	Hiệu chuẩn (- 15)°C	1	189.000	189.000
68	Nhiệt kế thủy tinh (-1 đến 510C) ALLA	Hiệu chuẩn (2; 8)°C	1	200.000	200.000
69	Nhiệt kế thủy tinh (-1 đến 510C) ALLA	Hiệu chuẩn (2; 8)°C	1	200.000	200.000
70	Nhiệt kế thủy tinh (-1 đến 510C) ALLA	Hiệu chuẩn (2; 8)°C	1	200.000	200.000
71	Nhiệt kế thủy tinh MAXIMA	Hiệu chuẩn (115;121)°C	1	200.000	200.000
72	Nhiệt kế thủy tinh (-19 đến 620C) AMA	Hiệu chuẩn (2; 8)°C	1	200.000	200.000
73	Cồn kế 0-35 độ rượu có nhiệt kế (mã số A047-1)	Hiệu chuẩn	1	250.000	250.000
74	Cồn kế 35-75 độ rượu có nhiệt kế(mã số A047-2)	Hiệu chuẩn	1	250.000	250.000
75	Micropipet Biohit (Phần Lan) 1000µl (A050)	Hiệu chuẩn	1	283.500	283.500
76	Micropipet Biohit (Phần Lan)100µl (A049)	Hiệu chuẩn	1	283.500	283.500
77	Micropipet Hirschmann 50 µl (A048)	Hiệu chuẩn	1	283.500	283.500
78	Quả cân chuẩn E2 5g (A045-1)	Hiệu chuẩn E2	1	425.250	425.250
79	Quả cân chuẩn E2 50g (A045-2)	Hiệu chuẩn E2	1	472.500	472.500
80	Quả cân chuẩn E2 100g (A045-3)	Hiệu chuẩn E2	1	450.000	450.000

81	Quả cân chuẩn E2 200g (A045-4)	Hiệu chuẩn E2	1	450.000	450.000
82	Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân (-10 đến 1100C) AMA	Hiệu chuẩn - 10oC	1	189.000	189.000
83	Nhiệt kế thủy ngân chất lỏng (-1 đến 510C) ALLA	Hiệu chuẩn 5°C	1	189.000	189.000
84	Máy đo nhiệt độ - độ ẩm điện tử Hygro-Thermometer DHT-1	Hiệu chuẩn (25°C; 75%)	1	236.250	236.250
85	Tủ lạnh Samsung	Bảo trì	1	472.500	472.500
86	Micropipet Hettich 10-100 µl	Hiệu chuẩn	3	260.000	780.000
87	Micropipet Hettich 2-20 µl	Hiệu chuẩn	2	260.000	520.000
88	Micropipet Hettich 20-200 µl	Hiệu chuẩn	2	260.000	520.000
89	Micropipet Hettich 100-1000 µl	Hiệu chuẩn	2	260.000	520.000
90	Micropipet Eppendorf 1000 µl	Hiệu chuẩn	1	260.000	260.000
91	Micropipet Eppendorf 0.5-10 µl	Hiệu chuẩn	1	260.000	260.000
92	Micropipet Hettich 0.5-10 µl	Hiệu chuẩn	2	260.000	520.000
93	Micropipet VITLAB 8 kênh 10-300 µl	Hiệu chuẩn	1	260.000	260.000
94	Micropipet VITLAB 8 kênh 5-50 µl	Hiệu chuẩn	1	260.000	260.000
95	Micropipet VITLAB 100-1000 µl	Hiệu chuẩn	1	260.000	260.000
96	Micropipet VITLAB 20-200 µl	Hiệu chuẩn	1	260.000	260.000
97	Micropipet Eppendorf 100-1000 µl	Hiệu chuẩn	1	260.000	260.000
98	Máy Realtime PCR Rotor Gen Q (Qiagen)	Bảo trì	2	2.300.000	4.600.000
99	Máy Realtime PCR DTprime 5 (DNA-TECHNOLOGY)	Bảo trì	1	2.300.000	2.300.000
100	Máy Realtime PCR AriaDx (Agilent)	Bảo trì	1	2.300.000	2.300.000

101	Tủ an toàn sinh học BIOBASE	Bảo trì	1	2.835.000	2.835.000
102	Máy tách chiết tự động BIOER NPA 32	Bảo trì	1	1.000.000	1.000.000
103	Máy tách chiết tự động BIOER 96	Bảo trì	1	1.000.000	1.000.000
104	Máy tách chiết tự động TANBEAD 96	Bảo trì	1	1.000.000	1.000.000
105	Máy tách chiết tự động QIAGEN Symphony	Bảo trì	1	1.000.000	1.000.000
106	Pipet – Nexty-100 / Watson - Nhật	Hiệu chuẩn	2	260.000	520.000
107	Pipet – Nexty-1000 / Watson - Nhật	Hiệu chuẩn	1	260.000	260.000
108	Máy ủ Elisa TC-92 Teco Diagnostics – Mỹ	Bảo trì	1	472.500	472.500
109	Máy rửa Elisa TC-94 Teco Diagnostics – Mỹ	Bảo trì	1	800.000	800.000
110	Máy đọc Elisa TC-96	Bảo trì	1	2.100.000	2.100.000
111	Kính hiển vi OLYMPUS CX21 FS1	Bảo trì	1	800.000	800.000
112	Kính hiển vi OLYMPUS CX23 LED RFS1	Bảo trì	1	800.000	800.000

Tổng số thiết bị : 120

Tổng giá chọn đề xuất : 90.880.250 đồng